

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2018

V/v: Tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Cúc.

2. Ông Trịnh Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2018/TLST - HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX - ST, ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị T, sinh năm: 199; có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện G, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Hoàng E, sinh năm 1998; có mặt.

Địa chỉ: Ấp SS, xã N, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/01/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là Chị Dương Thị T trình bày:

Chị và Anh Trịnh Hoàng E do quen biết tự tìm hiểu nhau và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn phù hợp nhau, chồng

không lo làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình. Quá trình chung sống anh, chị có một đứa con chung tên Trịnh Hoàng M, sinh ngày 12/5/2015, con hiện đang do chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng E, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Hoàng E phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2018 và tại phiên tòa bị đơn là Anh Trịnh Hoàng E trình bày: Anh và chị T chung sống như vợ chồng từ năm 2014, không có đăng ký kết hôn. Anh, chị có một đứa con chung tên Trịnh Hoàng M, sinh ngày 12/5/2015. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, đồng ý giao con chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng nhưng phải đảm bảo cho anh quyền thăm nom con, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Anh Trịnh Hoàng E, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Hoàng E với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp S, xã N, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

Chị T và anh Hoàng E chung sống như vợ chồng từ năm 2014 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T và anh Hoàng E không được công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Anh, chị có một đứa con chung tên Trịnh Hoàng M, sinh ngày 12/5/2015, hiện đang do chị T chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị T và anh Hoàng E thống nhất thỏa thuận anh Hoàng E giao cháu M cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị T hiện nay cháu M đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị T cũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M. Sự thỏa thuận của anh, chị là

hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002446 ngày 26/3/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Chị Dương Thị T và anh Trịnh Hoàng E là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Hoàng E, giao cháu Trịnh Hoàng M, sinh ngày 12/5/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Hoàng E được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002446 ngày 26/3/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS ND huyện;
- THA Huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Cẩm Tú